

Bản án số: 91/2024/DS-PT.  
Ngày: 07-8-2024.  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Bà **Lê Thị Anh Đào**;

Bà **Võ Thị Minh Phượng**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Thị Minh Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam:** Bà **Trần Thị Thanh Bắc** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2023/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 108/2023/QĐXXPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: ông Huỳnh S, sinh năm 1952.

Địa chỉ: thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: bị đơn ông Huỳnh S.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Do có quen biết với nhau từ trước nên ngày 17/01/2020, bà T có cho ông Huỳnh S mượn số tiền 100.000.000 đồng để làm ăn, kinh doanh. Khi mượn tiền có viết giấy và ông S có ký, viết tên vào giấy mượn tiền; để làm tin, ông S giao cho bà T giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho hộ ông Huỳnh S. Ông S cam kết trả đủ số tiền cho bà T trong thời hạn 02 tháng, nhưng ông S không thực hiện đúng cam kết. Đến nay đã hơn 02 năm, bà T đã dùng nhiều cách liên lạc với ông S lấy lại tiền nhưng không được. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh S phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*Bị đơn ông Huỳnh S trình bày nhiều lời khai khác nhau, cụ thể như sau:*

Tại bản tự khai ngày 03/3/2023, ông S không thừa nhận vay tiền của bà T mà cho rằng bà Nguyễn Thị Hồng H mượn sổ đỏ của ông S rồi vay tiền của bà T, giấy mượn tiền do bà T viết rồi bảo ông S ký. Tại bản tự khai ngày 23/3/2023, ông S thừa nhận có vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng, nhưng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông S chưa trả được, nay ông S đồng ý trả cho bà T số tiền nói trên, trước đây ông khai cho bà H vay là không đúng. Tại Biên bản đối chất ngày 30/6/2023 giữa bà T và ông S thì ông S cho rằng ông bị cưỡng ép ký vào giấy mượn tiền, ông không biết bà T là ai. Tại phiên tòa ngày 25/8/2023, ông S không thừa nhận chữ ký, chữ viết tên Huỳnh S trong giấy mượn tiền là của ông S và yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định. Nhưng, tại bản tự khai ngày 29/8/2023 thì ông S lại thừa nhận chữ ký của ông và không yêu cầu giám định nữa.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Huỳnh S khai không quen biết bà T và không vay tiền của bà T; bà Nguyễn Thị Hồng H mượn sổ đỏ của ông để vay tiền của bà T và bà H viết giấy vay tiền, bà T ép buộc ông ký vào giấy vay tiền.

*Tại lời khai có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày:* trước đây, giữa bà H và ông S có quen biết nhau, thỉnh thoảng bà H cũng có vay mượn tiền của ông S, rồi trả. Khoảng tháng 02/2019, bà H có đến nhà ông S để mượn sổ đỏ nhưng không biết viết giấy tờ thế nào nên ông S đọc cho bà H ghi, ông S đọc như thế nào thì bà H ghi thế đó. Thực tế thì bà H không lấy sổ đỏ của ông S và không vay tiền của bà T. Nay, ông S cho rằng bà H mượn sổ đỏ của ông S để mượn tiền của bà T thì bà H không đồng ý, lời khai của ông S là vô căn cứ; bà H yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Nguyễn Thị Kim T. Buộc ông Huỳnh S có nghĩa vụ trả nợ vay cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 100.000.000 đồng (theo giấy mượn tiền ngày 17/01/2020).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/9/2023, bị đơn ông Huỳnh S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hồng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh S thì thấy:

[2.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T cho rằng, vào ngày 17/01/2020, bà T có cho ông Huỳnh S vay số tiền 100.000.000 đồng và ông S có giao cho bà T giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho hộ ông Huỳnh S; thời hạn vay tiền là 02 tháng, nhưng đến nay ông S vẫn chưa trả tiền cho bà T. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh S phải trả cho bà T số tiền nêu trên. Bà T cung cấp chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện là “Giấy mượn tiền” ngày 17/01/2020, có chữ ký, chữ viết đúng tên Huỳnh S. Còn bị đơn ông Huỳnh S thì cho rằng, ông S không có vay tiền của bà T mà bà Nguyễn Thị Hồng H mới là người mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S để vay tiền của bà T, số tiền là 100.000.000 đồng. Do đó, ông S không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, tại Bản tự khai ngày 23/3/2023 (bút lục 27) do ông Huỳnh S tự viết, ông S khai nhận: “Ngày 17/01/2019, tôi có

*mượn của bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 100.000.000 đồng, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn tôi chưa có tiền trả được cho bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu tôi phải trả cho bà số tiền nói trên, tôi thống nhất chịu trách nhiệm trả cho bà T số tiền một trăm triệu đồng nói trên, trước đây khai cho bà H là không đúng sự thật”. Cũng trong ngày 23/3/2023, Tòa án cấp sơ thẩm lập Biên bản hòa giải thành có nội dung: “Ông Huỳnh S thống nhất chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 100.000.000 đồng” và ông Huỳnh S, bà Nguyễn Thị Kim T đã ký, ghi rõ họ, tên vào biên bản này. Tuy nhiên, ngày 28/3/2023, ông Huỳnh S có đơn xin thay đổi ý kiến tại Biên bản hòa giải thành ngày 23/3/2023 của Tòa án cấp sơ thẩm và không đồng ý trả số tiền 100.000.000 đồng cho bà T, vì cho rằng H mới là người vay tiền của bà T.*

[2.3] Tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Huỳnh S có cung cấp cho Tòa án “Giấy mượn bìa đỏ” (ngày, tháng, năm xác lập đã bị sửa chữa) do bà Nguyễn Thị Hồng H viết, ký tên, có nội dung bà H có mượn của ông Huỳnh S số để thế chấp cho bà T mượn tiền, trong thời gian 02 tháng sẽ trả số lại cho ông S. Tuy nhiên, trong “Giấy mượn bìa đỏ” này không có nội dung nào đề cập đến việc bà H có vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng như ông S đã khai. Tại các biên bản đối chất giữa bà T với ông S ngày 30/6/2023 và giữa bà T với bà H ngày 11/8/2023 do Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành, cả bà T và bà H đều không thừa nhận việc bà H có mượn bìa đỏ của ông S để vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng như ông S trình bày. Ngoài ra, ông S còn thừa nhận bà T có giao số tiền 100.000.000 đồng nhưng cho rằng bà H là người nhận, còn ông S chỉ đếm tiền giúp cho bà H chứ không nhận tiền.

[2.4] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mặc dù, lời khai của ông S không thống nhất, lúc thì thừa nhận ông có vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng, lúc thì không thừa nhận và cho rằng bà H mới là người vay tiền của bà T. Tuy nhiên, căn cứ vào “Giấy mượn tiền” ngày 17/01/2020 do nguyên đơn cung cấp (có chữ ký, chữ viết đứng tên Huỳnh S) thể hiện: ông Huỳnh S có vay của bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 100.000.000 đồng và bà T có nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của hộ ông Huỳnh S. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông S có đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết họ tên Huỳnh S trong “Giấy mượn tiền” ngày 17/01/2020 do nguyên đơn cung cấp. Tại Kết luận giám định số 283/KL-KTHS ngày 23/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh Q, kết luận: chữ ký, chữ viết họ tên Huỳnh S trên tài liệu cần giám định (“Giấy mượn tiền” ngày 17/01/2020) so với chữ ký, chữ viết họ tên Huỳnh S trên các tài liệu mẫu (các Biên bản hòa giải, Biên bản đối chất tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam có chữ ký, chữ viết của ông Huỳnh S) là do cùng một người ký, viết ra. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, bị đơn ông Huỳnh S có ký, viết tên vào “Giấy mượn tiền” ngày 17/01/2020 để vay của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 100.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày.

[2.5] Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T, buộc bị đơn ông Huỳnh S trả cho nguyên đơn số tiền vay 100.000.000 đồng là có cơ sở, đúng quy định pháp luật. Do đó, không có căn cứ

để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; tuy nhiên, bị đơn là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn (*đã được Tòa án cấp sơ thẩm cho miễn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm*).

[4] Chi phí tố tụng khác: bị đơn ông Huỳnh S phải chịu số tiền chi phí giám định tại Tòa án cấp phúc thẩm là 4.635.000 (*Bốn triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp (*đã nộp xong*).

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh S, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 38, 39, 147, 148, 161 và 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 12, 14, 26 và 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T đối với bị đơn ông Huỳnh S về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Huỳnh S có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền vay là 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng, theo “Giấy mượn tiền” ngày 17/01/2020.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn ông Huỳnh S được miễn; nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T không phải chịu, hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 2.500.000 (*Hai triệu năm trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010607 ngày 15/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn ông Huỳnh S được miễn.

Chi phí tố tụng khác: ông Huỳnh S phải chịu số tiền chi phí giám định tại Tòa án cấp phúc thẩm là 4.635.000 (*Bốn triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp (*đã nộp xong*).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (07/8/2024).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Quốc Bảo**